

KET VOCABULARY
TOPIC 14: BUILDINGS

No.	Words	Meaning
1.		nhà, căn hộ, tòa nhà
2.		lâu đài
3.		nhà thờ
4.		đại học, cao đẳng, trường nghề
5.		trung tâm thương mại
6.		lối vào, lối thoát
7.		tầng hầm, nhà để xe
8.		nhà máy, ngân hàng
9.		nhà khách, khách sạn
10.		trung tâm thể thao, sân vận động, hồ bơi
11.		bảo tàng, thư viện, nhà sách
12.		đồn cảnh sát, trạm xe lửa
13.		quầy bán báo, người bán báo
14.		nhà hát, rạp phim, văn phòng